



### III. NGHĨA TÌNH THÁI.

#### 1. Các trường hợp biểu hiện nghĩa tình thái.

- Thể hiện sự nhìn nhận, đánh giá thái độ của người nói đối với sự việc
- Biểu lộ tình cảm, thái độ của người nói đối với người nghe

#### a. Sự nhìn nhận, đánh giá và thái độ của người nói đối với sự việc.

- **Hình như:** Hấn thấy mắt hình như ươn ướt (Chí Phèo)
- **Chắc chắn:** Dịch Covid ở Việt Nam chắc chắn được kiểm soát.
- **Có lẽ:** Người ta có lẽ cũng nghĩ giống mình
- **Nhỉ, nhé...:**
  - + Cái chõng này sắp gãy rồi, chị nhỉ ? (Hai đứa trẻ)
  - + Em thấp đèn lên, chị Liên nhé ! (Hai đứa trẻ)
- **Tương tự, tìm hiểu từ ngữ in đậm trong các ngữ liệu 1,2,3,4,5 (SGK) thể hiện thái độ gì của người nói với sự việc được đề cập đến trong câu?**

#### • Ngữ liệu 1

- + **Sự thật là:** Khẳng định tính chân thật tuyệt đối của sự việc
- + **Quả ... thật:** Khẳng định tính chân thật của sự việc

#### • Ngữ liệu 2

- + **Chắc, chắc là:** - Phỏng đoán sự việc với độ tin cậy cao
- + **Hình như:** Phỏng đoán sự việc với độ tin cậy thấp

#### • Ngữ liệu 3

- + **Thật, có đến:** Đánh giá về số lượng đối với sự vật
- + **Chỉ, là cùng:** Đánh giá mức độ tối thiểu, tối đa về sự vật

#### • Ngữ liệu 4

- + **Giá thử, giá mà:** Đánh giá sự việc có thực hay không có thực đã xảy ra hay chưa xảy ra

#### • Ngữ liệu 5

- + **Phải, cần:** Khẳng định tính tất yếu, sự cần thiết hay khả năng của sự việc

## Các trường hợp biểu hiện nghĩa tình thái.

- Thể hiện sự nhìn nhận, đánh giá thái độ của người nói đối với sự việc
- Biểu lộ tình cảm, thái độ của người nói đối với người nghe

### a. Sự nhìn nhận, đánh giá và thái độ của người nói đối với sự việc.

- **Hình như:** Hấn thấy mắt hình như ướt ướt (Chí Phèo)
- **Chắc chắn:** Dịch Covid ở Việt Nam chắc chắn được kiểm soát.
- **Có lẽ:** Người ta có lẽ cũng nghĩ giống mình
- **Nhỉ, nhé...:**
  - Cái chông này sắp gãy rồi, chị nhỉ ? (Hai đứa trẻ)
  - Em thấp đèn lên, chị Liên nhé ! (Hai đứa trẻ)
- **Tương tự, tìm hiểu từ ngữ in đậm trong các ngữ liệu 1,2,3,4,5 (SGK) thể hiện thái độ gì của người nói với sự việc được đề cập đến trong câu?**
- **Ngữ liệu 1**
  - **Sự thật là:** Khẳng định tính chân thật tuyệt đối của sự việc
  - **Quả ... thật:** Khẳng định tính chân thật của sự việc
- **Ngữ liệu 2**
  - **Chắc, chắc là:** - Phỏng đoán sự việc với độ tin cậy cao
  - **Hình như:** Phỏng đoán sự việc với độ tin cậy thấp
- **Ngữ liệu 3**
  - **Thật, có đến:** Đánh giá về số lượng đối với sự vật
  - **Chỉ, là cùng:** Đánh giá mức độ tối thiểu, tối đa về sự vật
- **Ngữ liệu 4**
  - **Giá thử, giá mà:** Đánh giá sự việc có thực hay không có thực đã xảy ra hay chưa xảy ra
- **Ngữ liệu 5**
  - **Phải, cần:** Khẳng định tính tất yếu, sự cần thiết hay khả năng của sự việc

→ *Khi nói, người nói bộc lộ sự đánh giá của mình đối với sự việc hoặc đối với người nghe qua các biểu hiện:*

- Khẳng định tính chân thực của sự việc
- Phỏng đoán sự việc với độ tin cậy cao hoặc tin cậy thấp
- Đánh giá về mức độ hay số lượng đối với một phương diện của sự việc
- Đánh giá sự việc có thực hay không có thực, đã xảy ra hay chưa xảy ra
- Khẳng định tính tất yếu, sự cần thiết hay khả năng của sự việc.

### b. Tình cảm, thái độ của người nói đối với người nghe

- **Tự đặt câu với những từ ngữ tình thái có sẵn:**
  - Câu 1: Nhé, nhỉ ...
  - Câu 2: Kệ mà...
  - Câu 3: Bẩm...
- **Xác định ý nghĩa tình thái trong các câu:**
  - Đến ngày mừng 1 tháng 3, các em phải đi học rồi nhé !  
→ *Tình cảm thân mật, gần gũi của thầy đối với trò:*
  - Sắp hết thời gian học kỳ II rồi nhỉ ?  
→ *Tình cảm bạn bè thân mật*
  - Chị nói không nghe thì mặc xác mà !  
→ *Thái độ bức tức, giận dữ*
  - Bẩm cụ, nhà con mới đóng suất sưu hôm qua đây thôi, sao lại nói là thiếu ạ?

→Thái độ kính cẩn

**2. Nhân xét:** Người nói thể hiện rõ thái độ, tình cảm đối với người nghe thông qua các từ ngữ xưng hô, cảm thán, từ tình thái ở cuối mỗi câu.

### **3. Tóm tắt nội dung bài học:**

**Nghĩa tình thái là:**

- Bộc lộ cách nhìn nhận, đánh giá thái độ của người nói đối với sự việc
- Thể hiện tình cảm, thái độ của người nói đối với người nghe

=> *Tình thái từ là những từ không có ý nghĩa từ vựng xác định, không có chức năng làm chủ ngữ, vị ngữ trong câu, được thêm vào câu để cấu tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán, để hiển thị sắc thái tình cảm của người nói.*

## **IV. BÀI TẬP VẬN DỤNG**

**Câu nào không sử dụng tình thái từ?**

- Anh mà cũng biết buồn?
- Nào, nhanh lên, kéo anh em phải đội!
- Cảm ơn, tôi không hút thuốc.
- Mẹ đã về rồi, chị ơi!

**2. Nhân xét:** Người nói thể hiện rõ thái độ, tình cảm đối với người nghe thông qua các từ ngữ xưng hô, cảm thán, từ tình thái ở cuối mỗi câu.

**Nghĩa tình thái là:**

- Bộc lộ cách nhìn nhận, đánh giá thái độ của người nói đối với sự việc
- Thể hiện tình cảm, thái độ của người nói đối với người nghe

=> *Tình thái từ là những từ không có ý nghĩa từ vựng xác định, không có chức năng làm chủ ngữ, vị ngữ trong câu, được thêm vào câu để cấu tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán, để hiển thị sắc thái tình cảm của người nói.*

## **IV. BÀI TẬP VẬN DỤNG**

**Câu nào không sử dụng tình thái từ?**

- Anh mà cũng biết buồn?
- Nào, nhanh lên, kéo anh em phải đội!
- Cảm ơn, tôi không hút thuốc.
- Mẹ đã về rồi, chị ơi!